TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2017/DS-PT
Ngày 17 tháng 10 năm 2017
V/v "Tranh chấp thừa kế, tranh chấp quyền sở hữu nhà, đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn;

Ông Đỗ Đình Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2016/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2016 về việc "*Tranh chấp thừa kế; tranh chấp quyền sở hữu nhà, đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 604/2016/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 122/2017/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2017; giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Võ Tấn C, sinh năm: 1936, chết ngày: 08/10/1997 (không có người thừa kế quyền và nghĩa vụ).

Địa chỉ: 367 LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Võ Thị D, sinh năm: 1939, chết ngày: 06/11/1998.

Người thừa kế quyyền và nghĩa vụ của bà D:

2.1. Bà NKT1 - bà D, sinh năm 1964 (có mặt).

2.2. Bà NKT2 - bà D, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 220/14 lầu 3 THĐB, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Bà NKT3 - bà D, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: 8414 Fern Ave, Rosemead, CA 91770, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà NKT2 - bà D, bà NKT3 - bà D: bà NKT1 - bà D, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: 220/14 lầu 3 THĐB, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Ông NKT4 - bà D, sinh năm: 1924, chết ngày: 13/08/2003.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông NKT4 - bà D:

2.4.1. Bà NKT1 của NKT4 - bà D, sinh năm 1925 (chết).

Địa chỉ: 58 PVH, Phường 2, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4.2. Bà NKT2 của NKT4 - bà D, sinh năm 1951 (có mặt).

Địa chỉ: 7/5 TVQ, Phường 10, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4.3. Ông NKT3 của NKT4 - bà D, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: 58 PVH, Phường 2, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4.4. Bà NKT2 - bà D, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: 220/14 lầu 3 THĐB, phường 11, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4.5. Ông NKT4 của NKT4 - bà D, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: 329 đường 9A, KDC TS, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1933, chết ngày: 08/02/2003.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà H:

1. Ông NKT1 - bà H, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: 369 LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông NKT2 - bà H, sinh năm 1972 (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 367A LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà NKT3 - bà H, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: 127/12A đường số 8, Phường 16, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông NKT4 - bà H, sinh năm 1935 (chết ngày 03/6/2012).

Người thưa kế quyền và nghĩa vụ của ông NKT4 - bà H:

4.1. Ông NKT1 - bà H, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: 369 LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Ông NKT2 - bà H, sinh năm 1972 (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 367A LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.3. Bà NKT3 - bà H, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: 127/12A đường số 8, Phường 16, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông NLQ1, sinh năm 1943 (vắng mặt).

Địa chỉ: 190 Walnut Grove Ave # C San Gabriel CA. 91776 USA.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà NLQ6, sinh năm 1961 (có mặt).

2. Ông NLQ2, sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: 361/18A LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông NLQ3, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: 367C LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông NLQ3: Ông NLQ14, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: 367C LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông NLQ3: Luật sư Trương Đình Tùng – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4. Bà NLQ4, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: 367/1 LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà NLQ4: Ông NLQ2, sinh năm: 1950 (có mặt).

Địa chỉ: 361/18A LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà NLQ5, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: 367B LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà NLQ6, sinh năm 1961(có mặt).

Địa chỉ: 367D LQĐ, phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông NLQ7, sinh năm: 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: 77 tổ 4 khu phố 1, đường 79, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ông NLQ8, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: 367E LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Ông NLQ9, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: 367F LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Ông NLQ10, sinh năm: 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: 225-31ST Street – NW Cedar Rapids IA 52405. USA.

11. Bà NLQ11, sinh năm: 1974 (vắng mặt)

12. Trẻ NLQ12, sinh năm 2001 (vắng mặt).

13. Trẻ NLQ13, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 369 LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ NLQ12, trẻ NLQ13: Ông NKT1 - bà H (có mặt) và bà NLQ11 (vắng mặt)– là cha mẹ ruột của trẻ NLQ12, trẻ NLQ13.

14. Ông NLQ14, sinh năm: 1976 (có mặt).

15. Bà NLQ15, sinh năm 1976 (vắng mặt).

16. Trẻ NLQ16, sinh năm 2008 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của trẻ NLQ16: ông NLQ14 – là cha ruột của trẻ NLQ16.

17. Ông NLQ17, sinh năm 1974 (vắng mặt).

18. Bà NLQ18, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà NLQ18: Ông NLQ14 sinh năm 1976.

Địa chỉ: 367C LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

19. Trẻ NLQ19, sinh năm 1997 (vắng mặt).

20. Trẻ NLQ20, sinh năm 2007 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của trẻ NLQ19: Ông NLQ17 và bà NLQ18– là cha ruột của trẻ NLQ19 – (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 367C LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

21. Ông NLQ21, sinh năm: 1956 (vắng mặt).

22. NLQ22, sinh năm: 1996 (con của ông Hà – bà Phương).

Cùng địa chỉ: 367B LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

23. Ông NLQ23, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: 69/2/7 đường D2 VTB Phường 25, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

24. Ông NLQ24, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: 369/41 LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo, kháng nghị:

1. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn – bà Võ Thị D: Bà NKT1 - bà D.

2. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn – bà Võ Thị H: Ông NKT1 - bà H.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông NLQ2, bà NLQ5, bà NLQ6, ông NLQ9, ông NLQ14.

4. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai tiếp theo tại tòa nguyên đơn ông Võ Tấn C (chết năm 1997) và bà Võ Thị D (chết năm 1998), có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D là bà NKT1 - bà D, bà NKT2 - bà D, bà NKT3 - bà D, ông NKT4 - bà D trình bày:

Ông Võ Văn M và bà Đoàn Thị L chung sống với nhau có chung 05 người con gồm: Bà Võ Thị H1, bà Võ Thị H, ông Võ Tấn C, bà Võ Thị D và ông NLQ1.

Nguồn gốc nhà và đất số 369 LQĐ, phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số A^{-22} –B^{22} (trên phần đất này gồm có những căn nhà sau: nhà số 369, nhà số 367A LQĐ là tài sản chung của ông Võ Văn M và bà Đoàn Thị L).

Nay những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà D yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản do ông Võ Văn M, bà Đoàn Thị L (là cha mẹ của ông C và bà D) để lại theo quy định của pháp luật và xin nhận hiện vật.

Bà NKT1 của NKT4 - bà D là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông NKT4 - bà D trình bày: Bà với ông NKT4 - bà D chung sống với nhau (không nhớ rõ thời gian chung sống) không có đăng ký kết hôn và có 04 người con chung là ông NKT3 của NKT4 - bà D, bà NKT2 của NKT4 - bà D, ông NKT4 của NKT4 - bà D, ông Ông Văn S. Ngoài 04 người con trên NTK4 - bà D còn có 01 người con riêng là bà NKT2 - bà D, bà không biết mẹ của NTK2 - bà D là ai. Đối với việc tranh chấp giữa ông Võ Tấn C, bà Võ Thị D và bà Võ Thị H bà không có yêu cầu gì và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Bà NKT2 của NKT4 - bà D, ông NKT3 của NKT4 - bà D là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông NKT4 - bà D trình bày: Các ông bà là con của ông NKT4 - bà D (chết năm 2003) và bà NKT1 của NKT4 - bà D. Về nhân thân của ông NKT4 - bà D các ông bà thống nhất với lời trình bày của mẹ các ông bà là bà NKT1 của NKT4 - bà D. Đối với việc tranh chấp giữa ông Võ Tấn C, bà Võ Thị D và bà Võ Thị H các ông bà không có yêu cầu gì và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Võ Thị H (chết năm 2003), có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là ông NKT1 - bà H, ông NKT2 - bà H, bà NKT3 - bà H trình bày:

Các ông bà thống nhất về quan hệ nhân thân như những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày và đồng ý chia di sản của ông Võ Văn M, bà Đoàn Thị L để lại theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trước khi chia thừa kế phải hoàn lại giá trị xây dựng, sửa chữa nhà cho gia đình các ông bà. Đồng thời các ông bà yêu cầu bà H được nhận thêm 02 phần thừa kế của ông M, bà L vì bà H đã có công đi đòi lại nhà và đã nuôi dưỡng, chăm sóc bà L đến khi chết.

Đồng thời, tại các đơn phản tố ngày 18/10/2014 và ngày 04/01/2016, NKT1 - bà H, NKT2 - bà H, NKT3 - bà H yêu cầu công nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng đất tại số 369 và 367A LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (diện tích xây dựng trong căn nhà 369 là một phần của nhà số 3 theo biên bản định giá).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2014, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 ủy quyền cho ông Phạm Văn K đại diện trình bày:

Ông NLQ1 là con của ông Võ Văn M (chết năm 1957) và bà Đoàn Thị L (chết năm 1988). Ông M và bà L chung sống có 05 người con là ông Võ Tấn C, bà Võ Thị H1, bà Võ Thị H, bà Võ Thị D và ông NLQ1. Nguồn gốc nhà và đất tại số 369 LQĐ, Phường 5, quận BT tọa lạc trên lô đất số A^{-22} và B^{-22} là của ông Võ Văn M (chết năm 1957) và bà Đoàn Thị L (chết năm 1988). Do ông Võ Tấn C chết không có vợ con nên NLQ1 đồng ý chia thừa kế di sản của ông M, bà L cho 04 người thừa kế là bà D (chết có những người kế thừa), bà H (chết có những người kế thừa), bà H1 (chết có những người kế thừa) và NLQ1. NLQ1 ủy quyền cho ông K đại diện đồng ý với yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H về việc xin nhận 10% giá trị di sản của ông M, bà L do bà H có công sức trong việc đòi lại nhà, đất. Đồng thời, xin nhận giá trị phần di sản được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ2, ông NLQ8, ông NLQ9, ông NLQ7, bà NLQ5, bà NLQ4 cùng thống nhất trình bày:

Các ông bà là con của bà Võ Thị H1 (chết năm 1988) và ông Nguyễn Văn C1 (chết năm 1984). Cha mẹ các ông bà chung sống có 09 người con là ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ10, bà NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ6, ông NLQ7, ông NLQ8, ông NLQ9.

Nguồn gốc nhà và đất tại số 369 LQĐ, Phường 5, quận BT tọa lạc trên lô đất số A^{-22} và B^{-22} là của ông Võ Văn M (chết năm 1957) và bà Đoàn Thị L (chết năm 1988). Về quan hệ nhân thân của ông M, bà L các ông bà đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn. Theo các ông bà được biết, trước khi chết bà Đoàn Thị L đã cho bà Võ Thị H căn nhà 367A LQĐ, cho ông C diện tích đất làm gara xe trước nhà 367A và một căn nhà không số liền kề nhà, đất 367, cho bà H1 căn nhà 367B (nhà có 02 phần, 01 phần để ở và 01 phần sản xuất giá, cho ông NLQ3 căn nhà 367C. Ngoài ra còn có 01 con đường làm lối đi cho các hộ gia đình trên đất. Theo các ông bà những căn nhà nêu trên bà L đã cho lúc còn sống nên cần được công nhận. Phần còn lại là căn nhà 369 LQĐ và các diện tích đất trống các ông bà đồng ý chia thừa kế theo pháp luật cho những người thừa kế của ông M, bà L. Các ông bà yêu cầu được nhận phần thừa kế của bà Võ Thị H1 bằng hiện vật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ3 ủy quyền cho ông NLQ14 đại diện trình bày:

Nguồn gốc nhà và đất tại số 369 LQĐ, Phường 5, quận BT tọa lạc trên lô đất số A^{-22} là của ông Võ Văn M (chết năm 1957) và bà Đoàn Thị L (chết năm 1988). Về quan hệ nhân thân của ông M, bà L tôi thống nhất với lời trình bày của bà Võ Thị Kim H2.

Năm 1986 bà Đoàn Thị L có cho NLQ3 một diện tích đất để xây dựng nhà ở, do chưa có tiền nên NLQ3 chỉ xây được ngôi nhà lá, cháy bếp, nhà tắm và nhà vệ sinh để sử dụng. Đến năm 1987, NLQ3 được cấp giấp phép xây dựng để xây dựng lại căn nhà trên, trong quá trình cấp giấy phép xây dựng, cơ quan cấp phép đã lập bản vẽ nhà diện tích 4m x 12m. Sau khi được cấp giấy phép xây dựng do chưa có tiền nên đến năm 1996 NLQ3 mới xây dựng lại ngôi nhà, lúc này Tòa án đã có quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không cho NLQ3 xây dựng nữa. Nay NLQ3 ủy quyền cho NLQ14 đại diện đồng ý yêu cầu chia thừa kế di sản của ông M, bà L để lại. Đồng thời, yêu cầu công nhận cho NLQ3 được quyền sở hữu nhà, đất 367C LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ6 trình bày:

Bà là con của bà Võ Thị H1 (chết năm 1988) và ông Nguyễn Văn C1 (chết năm 1984). Cha mẹ bà chung sống có 09 người con như **ông An** trình bày. Nguồn gốc nhà và đất tại số 369 LQĐ, Phường 5, quận BT tọa lạc trên lô đất số A^{-22} v B^{-22} là của ông Võ Văn M (chết năm 1957) và bà Đoàn Thị L (chết năm 1988). Về quan hệ nhân thân của ông M, bà L bà đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn. Bà đồng ý với yêu cầu của ông NLQ3 về việc công nhận quyền sở hữu của NLQ3 đối với căn nhà 367C LQĐ. Bà đồng ý chia di sản thừa kế của ông M, bà L theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ14 trình bày:

Ông là con của ông NLQ3 và bà Nguyễn Ngọc H3. Cha mẹ ông chung sống có 02 người con chung là ông và bà NLQ18. Ông nội của ông là ông Nguyễn Văn C1 (chết năm 1985), bà nội của ông là bà Võ Thị H1 (chết không nhớ năm). Về quan hệ nhân thân của ông Chàm, bà H1 và ông M, bà L ông đồng ý với lời trình bày của bà NKT1 - bà D và ông NLQ2. Ông đồng ý chia thừa kế di sản của ông M, bà L theo quy định của pháp luật. Ông đồng ý với yêu cầu của ông NLQ3 về việc yêu cầu công nhận quyền sở hữu của NLQ3 đối với căn nhà 367C LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NLQ18 trình bày:

Bà là con của ông NLQ3 và bà Nguyễn Ngọc H3. Bà có chồng là ông NLQ17 và có 02 người con là NLQ19 và NLQ20. Năm 1997, bà có che nối thêm diện tích 4m x 4m phía sau nhà NLQ3 để ở. Hiện trạng nhà mái tole, nền xi măng, cửa sắt ra vào và lối đi riêng. Cuối năm 2000, anh của bà là ông NLQ14 lập gia đình nên bà che chắn thêm 01 căn nhà tạm, mái tole, vách tole, nền xi măng, diện tích 4,2m x 5m trên nền đất trống phía sau để ở. Đối với số tiền xây dựng nhà tạm nói trên bà xin Tòa xem xét và yêu cầu được hỗ trợ. Đối với tranh chấp giữa ông Võ Tấn C, bà Võ Thị D và bà Võ Thị H bà không có yêu cầu gì và xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ11 trình bày:

Bà và ông NKT1 - bà H kết hôn năm 1999 và có có 02 con chung là trẻ NLQ12, sinh năm 2001 và trẻ NLQ13, sinh năm 2004. Sau khi kết hôn bà và NKT1 - bà H chung sống tại nhà 369 LQĐ từ đó đến nay. Trong thời gian chung sống bà và NKT1 - bà H có sửa chữa nhà một vài lần, chi phí không lớn, chủ yếu là chống dột. Bà không có yêu cầu gì đối với chi phí sửa chữa nhà nói trên. Đối với việc tranh chấp giữa ông Võ Tấn C, bà Võ Thị D và bà Võ Thị H bà không có yêu cầu gì và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ21 trình bày:

Ông là chồng của bà NLQ5. Ông và **bà Phương** chung sống có 01 người con chung là NLQ22. Đối với tranh chấp giữa ông Võ Tấn C, bà Võ Thị D và bà Võ Thị H ông không có yêu cầu gì và xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ23 trình bày:

Ngày 22/5/2010, ông có thuê mướn của ông NLQ2 mặt bằng tại số 367 LQĐ, Phường 5, quận BT để kinh doanh vật liệu xây dựng. Việc thuê không làm hợp đồng, tiền thuê nhà là 3.000.000 đồng/tháng, trả từng tháng một. Trước khi thuê mặt bằng **ông An** đã cho ông biết tình trạng lô đất có tranh chấp, đang chờ Tòa án giải quyết nên bán ngày nào hay hay ngày đó. Khi nào Tòa xét xử **ông An** có nghĩa vụ thông báo trước cho ông 01 tháng để ông thu xếp trả lại mặt bằng. Đối với tranh chấp giữa ông Võ Tấn C, bà Võ Thị D và bà Võ Thị H ông không có yêu cầu gì và xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ24 trình bày:

Vào năm 2008, ông có thuê diện tích đất phía trước nhà 369 LQĐ, phường 5, quận BT của ông NKT1 - bà H để kinh doanh quán bún Mắm. Việc thuê mướn không làm hợp đồng thuê, ông cũng không trả tiền thuê nhà mà mỗi

tháng trả tiền điện, nước cho gia đình NKT1 - bà H. Sau khi thu đất ông có xây dựng căn nhà như hiện trạng hiện nay để kinh doanh. Đối với phần xây dựng phía trước nhà 369 LQĐ ông không có yêu cầu trả lại cho ông. Nếu ông không buôn bán nữa thì để lại cho NKT1 - bà H. Đối với tranh chấp giữa ông Võ Tấn C, bà Võ Thị D và bà Võ Thị H ông không có yêu cầu gì và xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 604/2016/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Áp dụng Khoản 2, Khoản 5 Điều 25; Khoản 3 Điều 33; Khoản 1 Điều 34; Điều 62; Điểm a Khoản 1 Điều 192; Khoản 1 Điều 131 Bộ luật tố tụng Dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2011;

Áp dụng Điều 275; Điều 631; Điều 633; Điều 634; Điều 674; 676; Điều 677; Điều 683; Điều 685; Khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Tấn C do không có người thừa kế.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Võ Thị H có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ theo tố tụng là ông NKT1 - bà H, ông NKT2 - bà H, bà NKT3 - bà H yêu cầu được tính công sức nuôi dưỡng bà Đoàn Thị L, công sức đi kiện đòi lại nhà 369 LQĐ, công sức bảo quản tài sản nhà, đất tại 369 LQĐ bằng một suất thừa kế.

3/ Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ3 yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất tại số 367C LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng đất của NLQ3 do bà Đoàn Thị L đã cho ông.

4/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị D có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ theo tố tụng của bà D là bà NKT1 - bà D, bà NKT3 - bà D, bà NKT2 - bà D, bà NKT1 của NKT4 - bà D, ông NKT3 của NKT4 - bà D, bà NKT2 của NKT4 - bà D.

5/ Xác định di sản thừa kế của của ông Võ Văn M và bà Đoàn Thị L chết để lại là toàn bộ diện tích đất thuộc bất động sản số 687, số 688 Bình Hòa Xã (thửa A^{22} và B^{22}), nay là một phần thửa số 50, 51, tờ bản đồ thứ 12 (BĐĐC) có diện tích 1.123,6m^2, tại địa chỉ 369, một phần tại địa chỉ 367 LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH lập và được Phòng Quản lý đô thị quận BT xác nhận ngày 15/5/2015 và bản vẽ hiện trạng Công ty TNHH CH hoàn thành ngày 14/6/2016.

6/ Các hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Văn M và bà Đoàn Thị L gồm: Bà Võ Thị H1 (chết năm 1987), bà Võ Thị H (chết năm 2003) , ông Võ Tấn C (chết năm 1997), bà Võ Thị D (chết năm 1998), ông NLQ1.

7/ Các hàng thừa kế thứ nhất của bà Võ Thị H1 gồm: Ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ10, bà NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ6, ông NLQ7, ông NLQ8, ông NLQ9.

8/ Các nhà số 367B LQĐ, Phường 5, quận BT của bà NLQ5; nhà số 367D LQĐ, Phường 5, quận BT của bà NLQ6, nhà số 367E LQĐ, Phường 5, quận BT của ông NLQ8, nhà số 367F LQĐ, Phường 5, quận BT của ông NLQ9 được quyền sử dụng diện tích đất 46.4m^2 (lối đi E) để làm lối đi chung (theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH hoàn thành ngày 14/6/2016). Đồng thời, bà NLQ6, bà NLQ5, ông NLQ8, ông NLQ9 mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại ¼ giá trị quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế của ông Võ Văn M và bà Đoàn Thị L, cụ thể:

8.1/ Bà NLQ6, bà NLQ5, ông NLQ8, ông NLQ9 mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Võ Thị D có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ theo tố tụng của bà D là bà NKT1 - bà D, bà NKT3 - bà D, bà NKT2 - bà D, bà NKT1 của NKT4 - bà D, bà NKT2 của NKT4 - bà D giá trị quyền sử dụng đất là 174.000.000 đồng.

8.2/ Bà NLQ6, bà NLQ5, ông NLQ8, ông NLQ9 mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Võ Thị H có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ theo tố tụng của Hạnh là ông NKT1 - bà H, ông NKT2 - bà H, bà NKT3 - bà H giá trị quyền sử dụng đất là 174.000.000 đồng.

8.3/ Bà NLQ6, bà NLQ5, ông NLQ8, ông NLQ9 mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại ông NLQ1 giá trị quyền sử dụng đất là 174.000.000 đồng.

8.4/ Bà NLQ6, bà NLQ5, ông NLQ8, ông NLQ9 mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Võ Thị H1 có những người thừa kế của bà H1 gồm: Ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ10, bà NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ6, ông NLQ7, ông NLQ8, ông NLQ9 giá trị quyền sử dụng đất là 174.000.000 đồng.

8.5/ Bà NLQ6, Ông NLQ8, ông Nhguyễn Hồng Sơn có nghĩa vụ hoàn lại cho bà NLQ5 giá trị xây dựng nhà 367B LQĐ (có ký hiệu nhà số 6 và 7) (theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH hoàn thành ngày 14/6/2016) số tiền 2.470.500 đồng.

9/ Bà Võ Thị D có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ theo tố tụng của bà D là bà NKT1 - bà D, bà NKT3 - bà D, bà NKT2 - bà D, bà NKT1 của NKT4 - bà D, ông NKT3 của NKT4 - bà D, bà NKT2 của NKT4 - bà D được hưởng và nhận quyền sử dụng đất tại Khu B có diện tích đất 269,3m^2 và các phần nhà tại Khu B (theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH hoàn thành ngày 14/6/2016).

10/ Bà Võ Thị H có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ theo tố tụng của bà H là ông NKT1 - bà H, ông NKT2 - bà H, bà NKT3 - bà H được hưởng và nhận quyền sử dụng đất tại Khu A có diện tích đất 269,3m^2 và một phần nhà 1 tại Khu đất A (theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH hoàn thành ngày 14/6/2016).

11/ Bà Võ Thị H1 có những người thừa kế của bà H1 gồm: Ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ10, bà NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ6, ông NLQ7, ông NLQ8, ông NLQ9 được hưởng và nhận quyền sử dụng đất tại khu D có diện tích đất 269,3m^2 và các phần nhà tại Khu D (theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH hoàn thành ngày 14/6/2016).

12/ Ông NLQ1 được hưởng và nhận quyền sử dụng đất tại Khu C có diện tích đất 269,3m^2 và các phần nhà tại Khu đất C (theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH hoàn thành ngày 14/6/2016).

13/ Bà Võ Thị D có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ theo tố tụng của bà D là bà NKT1 - bà D, bà NKT3 - bà D, bà NKT2 - bà D, bà NKT1 của NKT4 - bà D, ông NKT3 của NKT4 - bà D, bà NKT2 của NKT4 - bà D có nghĩa vụ hoàn lại cho ông NKT1 - bà H giá trị phần xây dựng là 213.163.200 đồng.

14/ Bà Võ Thị H1 có những người thừa kế của bà H1 gồm: Ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ10, bà NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ6, ông NLQ7, ông NLQ8, ông NLQ9 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị phần xây dựng cho người sau đây:

14.1/ Hoàn lại cho ông NLQ3 số tiền 113.920.100 đồng.

14.2/ Hoàn lại cho ông NKT1 - bà H số tiền 6.812.000 đồng.

14.3/ Hoàn lại cho bà NLQ5 số tiền 5.224.500 đồng.

15/ Ông NLQ1 có nghĩa vụ hoàn lại cho những người sau đây:

15.1/ Hoàn lại cho ông NKT1 - bà H số tiền 211.119.600 đồng.

15.2/ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Phương Mai số tiền 28.638.000 đồng.

15.3/ Hoàn lại cho ông NLQ3 2.100.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu những người bị thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

NLQ3, NKT1 - bà H, NKT2 - bà H, bà Phương và những người đang cư ngụ tại căn nhà 367A, 367B, 367C, 369 và các phần nhà không số phải dọn ra khỏi nhà giao lại cho những người đã hoàn lại giá trị các phần nhà nêu trên.

16/ Buộc ông NLQ2 phải tháo dỡ nhà toàn bộ diện tích xây dựng nhà số 4 (nhà không số) theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH lập và được Phòng Quản lý đô thị quận BT xác nhận ngày 15/5/2015.

17/ Buộc ông NLQ2 phải tháo dỡ nhà toàn bộ diện tích xây dựng nhà số 5 (nhà không số) theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH lập và được Phòng Quản lý đô thị quận BT xác nhận ngày 15/5/2015.

18/ Buộc bà NLQ18 phải tháo dỡ nhà không số (có ký hiệu nhà số 13) theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH lập và được Phòng Quản lý đô thị quận BT xác nhận ngày 15/5/2015.

19/ Buộc ông NLQ3 phải tháo dỡ nhà không số (có ký hiệu nhà số 14, nhà 15) theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH lập và được Phòng Quản lý đô thị quận BT xác nhận ngày 15/5/2015.

Các đương sự thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

20/ Ghi nhận sự tự nguyện của ông NLQ1 có ông Phạm Văn Khang đại diện theo ủy quyền giao cho bà NLQ6 được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất tại Khu C mà ông NLQ1 được hưởng thừa kế của Võ Văn M và bà Đoàn Thị L và các phần nhà xây dựng trên Khu đất C (theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH lập ngày 14/6/2016). Đồng thời, bà NLQ6 có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông NLQ1 số tiền 16.399.858.200 đồng.

Hai bên giao nhận quyền sử dụng đất, phần xây dựng nhà và tiền trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

Quá thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bà NLQ6 chưa thanh toán số tiền cho ông NLQ1 thì phát mãi quyền sử dụng đất, phần xây dựng mà nhà NLQ1 được hưởng nêu trên, sau khi trừ các phí, chi phí …số tiền phát mãi còn lại được giao cho ông NLQ1.

21/ Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời 234/DS ngày 28/10/1996 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

22/ Về chi phí lập bản vẽ, thẩm định giá, ủy thác tư pháp, bà NKT1 - bà D tự nguyện chịu không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

23/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

23.1/ Bà Võ Thị D (chết) có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D là bà NKT1 - bà D, bà NKT3 - bà D, bà NKT2 - bà D, bà NKT1 của NKT4 - bà D, ông NKT3 của NKT4 - bà D, bà NKT2 của NKT4 - bà D phải chịu án phí là 44.067.163 đồng.

Hoàn lại cho bà Võ Thị D có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D là bà NKT1 - bà D, bà NKT3 - bà D, bà NKT2 - bà D, bà NKT1 của NKT4 - bà D, ông NKT3 của NKT4 - bà D, bà NKT2 của NKT4 - bà D số tiền 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 21E ngày 03/6/1991 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

23.2/ Bà Võ Thị H (chết) có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H là ông NKT1 - bà H, ông NKT2 - bà H, bà NKT3 - bà H phải chịu án phí là 87.708.000 đồng.

Hoàn lại cho bà Võ Thị H có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H là ông NKT1 - bà H, ông NKT2 - bà H, bà NKT3 - bà H số tiền 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng theo biên lai thu tiền số 342 ngày 03/5/1992 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

23.3/ Ông NLQ1 phải chịu án phí là 44.095.858 đồng.

23.4/ Bà Võ Thị H1 có những người thừa kế là ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ10, bà NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ6, ông NLQ7, ông NLQ8, ông NLQ9 phải chịu án phí là 43.979.956 đồng.

23.5/ Ông NLQ3 phải chịu 200.000 đồng được cấn trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 07270 ngày 07/8/2014 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án theo luật định.

Ngày 20/6/2016, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn – bà Võ Thị D là bà NKT1 - bà D có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa lại bản án sơ thẩm theo hướng tuyên hủy quyền hưởng thừa kế di sản của bà NKT1 của NKT4 - bà D, ông NKT3 của NKT4 - bà D, bà NKT2 của NKT4 - bà D.

Ngày 30/6/2016, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn - bà Võ Thị H là ông NKT1 - bà H có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét tính phần công sức của bà Võ Thị H và cho bà H được hưởng phần di sản được chia bằng hiện vật là khu đất C hoặc khu đất B.

Ngày 22/6/2016, đại diên ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông NLQ3 là ông NLQ14 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 28, 29, 30/6/2016, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông NLQ9, bà NLQ5, ông NLQ2, bà NLQ6 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại phần quyết định buộc các ông bà phải mua lại lối đi trên khu đất số 369 LQĐ.

Ngày 30/6/2016, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị đề nghị cấp phúc phẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác quyền hưởng thừa kế di sản của bà NKT1 của NKT4 - bà D, ông NKT3 của NKT4 - bà D, bà NKT2 của NKT4 - bà D. Không buộc các thừa kế của bà Võ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy quyền hưởng thừa kế di sản của bà NKT1 của NKT4 - bà D, ông NKT3 của NKT4 - bà D, bà NKT2 của NKT4 - bà D.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Võ Thị H là ông NKT1 - bà H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị xem xét lại phần công sức cho bà Võ Thị H và cho bà H được hưởng hiện vật.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông NLQ9, bà NLQ6 xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông NLQ3 có ông NLQ14 đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông NLQ3: Sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án luật sư cho rằng bà L cho NLQ3 diện tích đất có chiều ngang 04 mét, chiều dài 12 mét. Sau đó NLQ3 xin phép cất nhà, được cấp giấy phép xây dựng vào năm 1987 và bà L đã xác nhận vào giấy phép đồng ý cho NLQ3 xây dựng. Quá trình xây dựng, quản lý và sử dụng bà L không có cản trở hay có bất cứ ý kiến chống đối gì về việc NLQ3 xây nhà. Khi bà L chết thì các con bà L không có ai đăng ký kê khai đối với diện tích đất này. Ngoài ra, NLQ3 là người đóng thuế đối với diện tích đất này từ trước đến nay. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông NLQ3, sửa bản án sơ thẩm, công nhận cho NLQ3 được quyền sử dụng đối với diện tích đất nêu trên. Trong trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận thì đề nghị làm rõ diện tích đất bà L đã cho NLQ3 và diện tích đất bà L được cấp giấy chứng nhận.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông NLQ2 và bà NLQ5 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xét lại phần lối đi trên khu đất 369 LQĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan ý kiến:

+ Về tố tụng: Ở giai đoạn xét xử phúc thẩm những người tiến hành tố tụng

và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Sau khi nghiên cứu phân tích toàn bộ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đại diện Viện viện kiểm sát cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng Điều 645 Bộ luật tố tụng dân sự như thời hiệu yêu cầu chia phần di sản thừa kế của ông M đã hết, chỉ còn phần di sản thừa kế của bà L; Xác định ông Võ Tấn C không có người thừa kế là không đúng; Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ phần đất mà phía ông NKT1 - bà H con bà H đã bán.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà NKT1 của NKT4 - bà D, bà NKT2 của NKT4 - bà D, ông NKT3 của NKT4 - bà D là người thừa kế của bà Võ Thị D và cho những người người được hưởng phần di sản của bà D được chia là không đúng pháp luật. Theo quy định của pháp luật thì ông NKT1 - bà H, ông NKT2 - bà H, bà NKT3 - bà H không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu chia thừa kế không được Tòa chấp nhận nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc những người này phải chịu là không đúng. Do Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và một phần kháng cáo của các đương sự; áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự, luật sư và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo của các ông bà NKT1 - bà D, NKT1 - bà H, ông NLQ9, bà NLQ5, ông NLQ2, bà NLQ6 và ông NLQ14 làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông NLQ9 và bà NLQ6 xin rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Xét, việc rút lại yêu cầu kháng cáo của ông Sơn và bà Loan là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Sơn, bà Loan.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Võ Tấn C và bà Võ Thị D khởi kiện bị đơn bà Võ Thị H yêu cầu chia di sản thừa kế nhà và đất số 369 LQĐ, phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong vụ án có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 và ông NLQ10 hiện cư trú tại Hoa Kỳ nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Tranh chấp thừa kế; tranh chấp quyền sở hữu nhà, đất" và thụ lý giải quyết theo Khoản 5 Điều 25; Khoản 3 Điều 33; Điểm a Khoản 1 Điều 34; và Điểm c Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố dân sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm. Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc phần nhà và đất số 369 LQĐ, phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số A^{22} –B^{22} (*trên phần đất này gồm có những căn nhà sau: một phần nhà số 367A LQĐ (phần nhà số 3, số 5 theo bản vẽ được Phòng Quản lý đô thị quận BT kiểm tra ngày 15/5/2015*) mà các đương sự tranh chấp yêu cầu giải quyết là tài sản của ông Võ Văn M và bà Đoàn Thị L.

Ông Võ Văn M và bà Đoàn Thị L là vợ chồng. Quá trình chung sống ông Võ Văn M và bà Đoàn Thị L có 05 người con gồm: Bà Võ Thị H1, bà Võ Thị H, ông Võ Tấn C, bà Võ Thị D, ông NLQ1. Ông Võ Văn M, sinh ngày 25/5/1910, chết ngày 25/7/1957. Bà Đoàn Thị L, sinh ngày 27/11/1911, chết ngày 01/7/1988. Hàng thừa kế thứ nhất của ông M và bà L gồm: Bà Võ Thị H1, bà Võ Thị H, ông Võ Tấn C, bà Võ Thị D, ông NLQ1.

Bà Võ Thị H1 chung sống với ông Nguyễn Văn C1 có 09 người còn gồm: Ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ10, bà NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ6, ông NLQ7, ông NLQ8, ông NLQ9.

Nguyên đơn ông Võ Tấn C chết ngày: 08/10/1997 trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng không không có người thừa kế quyền và nghĩa vụ.

[5] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Thị D, chết ngày 06/11/1998; có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà NKT1 - bà D, bà NKT3 - bà D, bà NKT2 - bà D, ông NKT4 - bà D. (NTK4 - bà D chết năm 2003 có vợ và các con gồm: bà NKT1 của NKT4 - bà D, ông NKT3 của NKT4 - bà D, bà NKT2 của NKT4 - bà D, ông NKT4 của NKT4 - bà D, ông Ông Văn S, bà NKT2 - bà D).

Bị đơn bà Võ Thị H chết năm 2003, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là ông NKT1 - bà H, ông NKT2 - bà H, bà NKT3 - bà H.

Trong vụ án này, nguyên đơn khởi kiện tranh chấp thừa kế di sản ông M và bà L chết để lại. Bị đơn bà Võ Thị H có yêu cầu phản tố yêu cầu xem xét công sức đi kiện đòi lại nhà, bảo quản tài sản, nuôi dưỡng bà L bằng một suất thừa kế; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ3 có yêu cầu độc lập yêu cầu công nhận sở hữu căn nhà, vì phần đất đã được bà L cho ông. Tòa án cấp sơ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn về chia di sản thừa kế của cụ M và cụ L, bác yêu cầu phản tố của bị đơn; bác yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Không đồng ý với bản án sơ thẩm các đương sự đã kháng cáo bản án sơ thẩm và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị.

[6] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn – bà NKT1 - bà D; Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn bà Võ Thị D chết, Tòa án cấp sơ thẩm xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D gồm: Bà NKT3 - bà D, NKT1 - bà D, bà NKT2 - bà D và chia thừa kế di sản cho những người này là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, riêng đối với phần ông NKT4 - bà D, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng NTK4 - bà D là chồng hợp pháp của bà D nên NTK4 - bà D là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D; sau đó NTK4 - bà D (chết) nên vợ và các con của NTK4 - bà D gồm bà NKT1 của NKT4 - bà D (là vợ NTK4 - bà D), ông NKT3

của NKT4 - bà D, bà NKT2 của NKT4 - bà D, ông NKT4 của NKT4 - bà D, ông Ông Văn S, bà NKT2 - bà D là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của NTK4 - bà D. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho các ông bà NKT1 của NKT4 - bà D, ông NKT3 của NKT4 - bà D, bà NKT2 của NKT4 - bà D được được phần di sản của bà D được chia là không đúng. Bởi lẽ, NTK4 - bà D và bà D chỉ có mối quan hệ tình cảm với nhau dẫn đến có một người con chung là bà NKT2 - bà D; NTK4 - bà D đã có vợ hợp pháp là bà NKT1 của NKT4 - bà D; bà Bé và NTK4 - bà D có các con chung là ông NKT3 của NKT4 - bà D, bà NKT2 của NKT4 - bà D, ông NKT4 của NKT4 - bà D, ông Ông Văn S. NTK4 - bà D không phải là chồng hợp pháp của bà D nên không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà D. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm, bác quyền hưởng di sản thừa kế của bà NKT1 của NKT4 - bà D, ông NKT3 của NKT4 - bà D, bà NKT2 của NKT4 - bà D.

Đối với phần yêu cầu phản tố chia thêm một phần thừa kế của bà Võ Thị H có các người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là ông NKT1 - bà H, NKT2 - bà H, NKT3 - bà H không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận và do không được chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc những người này phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Điều 12 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì những người này không phải chịu án phí, cấp sơ thẩm buộc những người này phải chịu án phí là không đúng; do đó cần sửa bản án sơ thẩm đối với phần án phí của bà Võ Thị H có các người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là ông NKT1 - bà H, NKT2 - bà H, NKT3 - bà H.

[7] Xét kháng cáo của ông NKT1 - bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bản án dân sự phúc thẩm số 33 ngày 19/01/1988 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Bà Võ Thị H là người đại diện theo ủy quyền của bà L kiện đòi lại nhà 369 LQĐ, Phường 5, quận BT cho thuê. Theo bản án tuyên xử thì ông H5 có trách nhiệm trả tiền nhà còn thiếu 05 năm cho bà H là 2.500 đồng (bút lục số 47 – 48). Như vậy, trong việc đi kiện đòi nhà cho thuê, bà H đã nhận số tiền 2.500 đồng và bà H nhận làm người đại diện theo ủy quyền cho bà L là tự nguyện, nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H yêu cầu xem xét công sức bà H đi kiện đòi tài sản là không có căn cứ.

Mặt khác, theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 54/QĐ-CNTT ngày 23/5/2005 của Tòa án nhân dân quận BT có nội dung: Bà NKT3 - bà H và ông NKT1 - bà H sang nhượng cho ông Trần Duy B diện tích đất (0,6m x 18m)/2 = 5.4m^2 tọa lạc tại 369A LQĐ, Phường 5, quận BT. Ông B trả cho NKT1 - bà H và NKT3 - bà H 20.000.000 đồng. Hai bên đã tự giao nhận xong. Như vậy, NKT1 - bà H, NKT3 - bà H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ theo tố tụng của bà H đã sang nhượng diện tích đất 5,4m^2 và đã nhận số tiền 20.000.000 đồng. Do đó, NKT1 - bà H, NKT2 - bà H, NKT3 - bà H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H yêu cầu xem xét công sức bảo quản tài sản là căn nhà 369 LQĐ là không có căn cứ.

Việc ông NKT1 - bà H cho rằng bà Võ Thị H có công nuôi dưỡng bà L từ năm 1975 đến năm 1988; tuy nhiên không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh và các đương sự trong vụ án cũng không có ai thừa nhận điều này. Ngoài ra, từ

trước đến nay gia đình bà H đã thu tiền huê lợi từ việc cho thuê mặt bằng tại căn nhà 369 LQĐ, phường 5, quận BT.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu phản tố của NKT1 - bà H, NKT2 - bà H, NKT3 - bà H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ theo tố tụng của bà H yêu cầu chia công sức bằng một suất thừa kế là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, NKT1 - bà H kháng cáo yêu cầu xem xét công sức của bà H và xin cho bà H nhận hiện vật nhưng không xuất trình được chứng cứ gì mới; do đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của NKT1 - bà H.

[8] Xét kháng cáo của ông NLQ14, Hội đồng xét xử xét thấy: NLQ14 là đại diện ủy quyền của ông NLQ3 cho rằng bà L đã cho NLQ3 phần đất 4m x 12m = 48m^2 vào năm 1985. Tuy nhiên các ông không có tài liệu gì xuất trình để làm chứng cứ chứng minh việc bà L cho NLQ3 phần đất này. Mặt khác, những người con cháu khác của bà L (trừ bà NLQ6) không có ai thừa nhận việc bà L có cho NLQ3 phần đất nêu trên. Đối với giấy phép xây dựng mà NLQ3 cung cấp thì trong giấy phép xây dựng ngày 14/12/1987 và bản vẽ không thể hiện việc bà L cho NLQ3 phần đất nêu trên. Đồng thời, theo Công văn 1028/UBND-TNMT ngày 12/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận BT về việc phúc đáp Công văn số 1988/TATP-TDS ngày 10/7/2012 gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung ”…*Theo hồ sơ lưu trữ tại kho lưu trữ không thể hiện dữ liệu liên quan đến nhà đất tại số 367A, một phần nhà số 367B, nhà số 367C LQĐ*…”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông NLQ3 yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 4m x 12m = 48m^2 tại số nhà 367C LQĐ, Phường 5, quận BT thuộc quyền sử dụng của NLQ3 là có căn cứ; kháng cáo của NLQ14 là không có căn cứ chấp nhận.

[9] Xét kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà NLQ5, ông NLQ2, Hội đồng xét xử xét thấy: Các căn nhà, đất tại số 367B, 367D, 367C, 367E, 367F LQĐ thì từ trước đến nay các đương sự đều đi chung lối đi trên khu đất 369 LQĐ. Mà lối đi trên khu đất 369 LQĐ này thuộc diện tích đất 1.123,6 m^2 của ông Võ Văn M và bà Đoàn Thị L; thuộc di sản thừa kế của ông M, bà L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc các ông bà sử dụng lối đi trên khu đất 369 LQĐ phải đền bù cho người thừa kế của ông M và bà L là đúng quy định của pháp luật. Bà NLQ5, ông NLQ2, kháng cáo không đồng ý đền bù cho người thừa kế của cụ M và cụ L nhưng không cung cấp được chứng cứ, tài liệu gì mới; do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các ông bà.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà NKT1 - bà D; không chấp nhận kháng cáo của các ông bà: NKT1 - bà H, NLQ14, NLQ5, NLQ2; không chấp nhận đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NLQ3. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần chia di sản thừa kế của cụ Mén và cụ Lành; sửa phần án phí sơ thẩm. Giữ nguyên các phần khác của bản án sơ thẩm đối với các phần quyết định có kháng cáo không được chấp nhận.

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bà NKT1 - bà D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các ông bà NKT1 - bà H, NLQ3, NLQ9, NLQ5, NLQ2, NLQ6 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 2, 5 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

I. Chấp nhận việc rút yêu cầu kháng cáo của ông NLQ9 và bà NLQ6. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông NLQ9 và bà NLQ6.

II. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; chấp nhận kháng cáo của bà NKT1 - bà D. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông NKT1 - bà H, ông NLQ14, bà NLQ5, ông NLQ2.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 604/2016/DSST ngày 16/6/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Khoản 5 Điều 25; Khoản 3 Điều 33; Khoản 1 Điều 34; Điều 62; Khoản 1 Điều 131 Bộ luật tố tụng Dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2011;

Áp dụng Điều 631; Điều 633; Điều 646; Khoản 3 Điều 650; Điều 667; Điều 674; Điều 675; Điều 676; Điều 677; Điều 681; Điều 684; Điều 685; Khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Tấn C do không có người thừa kế.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Võ Thị H có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ theo tố tụng là ông NKT1 - bà H, ông NKT2 - bà H, bà NKT3 - bà H yêu cầu được tính công sức nuôi dưỡng bà Đoàn Thị L, công sức đi kiện đòi lại nhà 369 LQĐ, công sức bảo quản tài sản nhà, đất tại 369 LQĐ bằng một suất thừa kế.

3/ Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ3 yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất tại số 367C LQĐ, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng đất của NLQ3 do bà Đoàn Thị L đã cho ông.

4/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị D có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ theo tố tụng của bà D là bà NKT1 - bà D, bà NKT3 - bà D, bà NKT2 - bà D.

5/ Xác định di sản thừa kế của của ông Võ Văn M và bà Đoàn Thị L chết để lại là toàn bộ diện tích đất thuộc bất động sản số 687, số 688 Bình Hòa Xã (thửa A^{22} và B^{22}), nay là một phần thửa số 50, 51, tờ bản đồ thứ 12 (BĐĐC) có diện tích 1.123,6m^2, tại địa chỉ 369, một phần tại địa chỉ 367 LQĐ, Phường 5,

quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH lập và được Phòng Quản lý đô thị quận BT xác nhận ngày 15/5/2015 và bản vẽ hiện trạng Công ty TNHH CH hoàn thành ngày 14/6/2016.

6/ Các hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Văn M và bà Đoàn Thị L gồm: Bà Võ Thị H1 (chết năm 1987), bà Võ Thị H (chết năm 2003) , ông Võ Tấn C (chết năm 1997), bà Võ Thị D (chết năm 1998), ông NLQ1.

7/ Các hàng thừa kế thứ nhất của bà Võ Thị H1 gồm: Ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ10, bà NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ6, ông NLQ7, ông NLQ8, ông NLQ9.

8/ Các nhà số 367B LQĐ, Phường 5, quận BT của bà NLQ5; nhà số 367D LQĐ, Phường 5, quận BT của bà NLQ6, nhà số 367E LQĐ, Phường 5, quận BT của ông NLQ8, nhà số 367F LQĐ, Phường 5, quận BT của ông NLQ9 được quyền sử dụng diện tích đất 46.4m^2 (lối đi E) để làm lối đi chung (theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH hoàn thành ngày 14/6/2016). Đồng thời, bà NLQ6, bà NLQ5, ông NLQ8, ông NLQ9 mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại ¼ giá trị quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế của ông Võ Văn M và bà Đoàn Thị L, cụ thể:

8.1/ Bà NLQ6, bà NLQ5, ông NLQ8, ông NLQ9 mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Võ Thị D có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ theo tố tụng của bà D là bà NKT1 - bà D, bà NKT3 - bà D, bà NKT2 - bà D giá trị quyền sử dụng đất là 174.000.000 đồng.

8.2/ Bà NLQ6, bà NLQ5, ông NLQ8, ông NLQ9 mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Võ Thị H có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ theo tố tụng của Hạnh là ông NKT1 - bà H, ông NKT2 - bà H, bà NKT3 - bà H giá trị quyền sử dụng đất là 174.000.000 đồng.

8.3/ Bà NLQ6, bà NLQ5, ông NLQ8, ông NLQ9 mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại ông NLQ1 giá trị quyền sử dụng đất là 174.000.000 đồng.

8.4/ Bà NLQ6, bà NLQ5, ông NLQ8, ông NLQ9 mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Võ Thị H1 có những người thừa kế của bà H1 gồm: Ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ10, bà NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ6, ông NLQ7, ông NLQ8, ông NLQ9 giá trị quyền sử dụng đất là 174.000.000 đồng.

8.5/ Bà NLQ6, Ông NLQ8, ông Nhguyễn Hồng Sơn có nghĩa vụ hoàn lại cho bà NLQ5 giá trị xây dựng nhà 367B LQĐ (có ký hiệu nhà số 6 và 7) (theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH hoàn thành ngày 14/6/2016) số tiền 2.470.500 đồng.

9/ Bà Võ Thị D có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ theo tố tụng của bà D là bà NKT1 - bà D, bà NKT3 - bà D, bà NKT2 - bà D được hưởng và nhận quyền sử dụng đất tại Khu B có diện tích đất 269,3m^2 và các phần nhà tại Khu B (theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH hoàn thành ngày 14/6/2016).

10/ Bà Võ Thị H có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ theo tố tụng của bà H là ông NKT1 - bà H, ông NKT2 - bà H, bà NKT3 - bà H được hưởng và nhận quyền sử dụng đất tại Khu A có diện tích đất 269,3m^2 và một phần nhà 1 tại

Khu đất A (theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH hoàn thành ngày 14/6/2016).

11/ Bà Võ Thị H1 có những người thừa kế của bà H1 gồm: Ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ10, bà NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ6, ông NLQ7, ông NLQ8, ông NLQ9 được hưởng và nhận quyền sử dụng đất tại khu D có diện tích đất 269,3m^2 và các phần nhà tại Khu D (theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH hoàn thành ngày 14/6/2016).

12/ Ông NLQ1 được hưởng và nhận quyền sử dụng đất tại Khu C có diện tích đất 269,3m^2 và các phần nhà tại Khu đất C (theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH hoàn thành ngày 14/6/2016).

13/ Bà Võ Thị D có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ theo tố tụng của bà D là bà NKT1 - bà D, bà NKT3 - bà D, bà NKT2 - bà D có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông NKT1 - bà H giá trị phần xây dựng là 213.163.200 đồng.

14/ Bà Võ Thị H1 có những người thừa kế của bà H1 gồm: Ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ10, bà NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ6, ông NLQ7, ông NLQ8, ông NLQ9 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị phần xây dựng cho người sau đây:

14.1/ Hoàn lại cho ông NLQ3 số tiền 113.920.100 đồng.

14.2/ Hoàn lại cho ông NKT1 - bà H số tiền 6.812.000 đồng.

14.3/ Hoàn lại cho bà NLQ5 số tiền 5.224.500 đồng.

15/ Ông NLQ1 có nghĩa vụ hoàn lại cho những người sau đây:

15.1/ Hoàn lại cho ông NKT1 - bà H số tiền 211.119.600 đồng.

15.2/ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Phương Mai số tiền 28.638.000 đồng.

15.3/ Hoàn lại cho ông NLQ3 2.100.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu những người bị thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

NLQ3, NKT1 - bà H, NKT2 - bà H, bà Phương và những người đang cư ngụ tại căn nhà 367A, 367B, 367C, 369 và các phần nhà không số phải dọn ra khỏi nhà giao lại cho những người đã hoàn lại giá trị các phần nhà nêu trên.

16/ Buộc ông NLQ2 phải tháo dỡ nhà toàn bộ diện tích xây dựng nhà số 4 (nhà không số) theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH lập và được Phòng Quản lý đô thị quận BT xác nhận ngày 15/5/2015.

17/ Buộc ông NLQ2 phải tháo dỡ nhà toàn bộ diện tích xây dựng nhà số 5 (nhà không số) theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH lập và được Phòng Quản lý đô thị quận BT xác nhận ngày 15/5/2015.

18/ Buộc bà NLQ18 phải tháo dỡ nhà không số (có ký hiệu nhà số 13) theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH lập và được Phòng Quản lý đô thị quận BT xác nhận ngày 15/5/2015.

19/ Buộc ông NLQ3 phải tháo dỡ nhà không số (có ký hiệu nhà số 14, nhà 15) theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH lập và được Phòng Quản lý đô thị quận BT xác nhận ngày 15/5/2015.

Các đương sự thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

20/ Ghi nhận sự tự nguyện của ông NLQ1 có ông Phạm Văn Khang đại diện theo ủy quyền giao cho bà NLQ6 được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất tại Khu C mà ông NLQ1 được hưởng thừa kế của Võ Văn M và bà Đoàn Thị L và các phần nhà xây dựng trên Khu đất C (theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH CH lập ngày 14/6/2016). Đồng thời, bà NLQ6 có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông NLQ1 số tiền 16.399.858.200 đồng.

Hai bên giao nhận quyền sử dụng đất, phần xây dựng nhà và tiền trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

Quá thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bà NLQ6 chưa thanh toán số tiền cho ông NLQ1 thì phát mãi quyền sử dụng đất, phần xây dựng mà nhà NLQ1 được hưởng nêu trên, sau khi trừ các phí, chi phí …số tiền phát mãi còn lại được giao cho ông NLQ1.

21/ Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời 234/DS ngày 28/10/1996 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

22/ Về chi phí lập bản vẽ, thẩm định giá, ủy thác tư pháp, bà NKT1 - bà D tự nguyện chịu không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

23/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

23.1/ Bà Võ Thị D (chết) có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D là bà NKT1 - bà D, bà NKT3 - bà D, bà NKT2 - bà D phải chịu án phí là 44.067.163 đồng.

Hoàn lại cho bà Võ Thị D có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D là bà NKT1 - bà D, bà NKT3 - bà D, bà NKT2 - bà D số tiền 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 21E ngày 03/6/1991 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

23.2/ Bà Võ Thị H (chết) có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H là ông NKT1 - bà H, ông NKT2 - bà H, bà NKT3 - bà H không phải chịu án phí là 87.708.000 đồng.

Hoàn lại cho bà Võ Thị H có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H là ông NKT1 - bà H, ông NKT2 - bà H, bà NKT3 - bà H số tiền 100.000 đồng (một trăm ngàn đông theo biên lai thu tiền số 342 ngày 03/5/1992 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

23.3/ Ông NLQ1 phải chịu án phí là 44.095.858 đồng.

23.4/ Bà Võ Thị H1 có những người thừa kế là ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ10, bà NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ6, ông NLQ7, ông NLQ8, ông NLQ9 phải chịu án phí là 43.979.956 đồng.

23.5/ Ông NLQ3 phải chịu 200.000 đồng được cấn trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 07270 ngày 07/8/2014 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

24.1/ Bà NKT1- bà D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Hoàng số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 03052 ngày 05/7/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

24.7/ Ông NKT1 - bà H, ông NLQ3, bà NLQ5, ông NLQ2, NLQ6, NLQ9 mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí kháng cáo các ông bà đã nộp theo các biên lai thu số 03046 ngày 04/7/2016, 03074 ngày 08/7/2016, 03075 ngày 08/7/2016, 03079 ngày 11/7/2016, 03085 ngày 12/7/2016, 03126 ngày 19/7/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (35);
- Lưu: VP (3), HS (2), 45b. (ÁN 09)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Văn Mười